TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2023/DS-ST
Ngày: 28/6/2023
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Phong;

Ông Huỳnh Tấn Phát.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ S.**

Địa chỉ: Số 269C1, Nguyễn Văn C, khu phố V, phường N, thành phố T2, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Lê Bảo K** – Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Phạm Quang H**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Theo Hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng ngày 07/3/2023)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Theo Giấy ủy quyền đề ngày 14/6/2023.)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/4/2023, bản tự khai ngày 16/6/2023, các lời khai tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày như sau:*

Vào năm 2020, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ S (gọi tắt là Công ty S) và ông Nguyễn Văn Đ có thỏa thuận mua bán tài sản là thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản. Việc mua bán và thanh toán diễn ra nhiều lần, nhiều đợt. Đến ngày 02/02/2021, hai bên quyết toán công nợ thì ông Đ còn nợ lại Công ty S số tiền 65.422.000 đồng, Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ chưa thực hiện. Việc mua bán thuốc, thức ăn nuôi trồng thủy sản phát sinh lợi nhuận nhằm phục vụ đời sống gia đình ông Đ. Cho nên, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả Công ty số nợ 65.422.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử 28/6/2023 (28 tháng 26 ngày) với lãi suất 10%/năm với số tiền 15.737.616 đồng.

Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới phải trả tính đến ngày xét xử là 81.159.616 đồng (Tám mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

** Tại Bản tự khai ngày 16/6/2023, các lời khai tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn*

Đ và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà thừa nhận vợ chồng trước đây vào năm 2020 có mua thức ăn và thuốc tôm của Công ty S. Đến ngày 02/02/2021, hai bên sau nhiều lần thanh toán và mua bán đã kết nợ lại, vợ chồng bà còn nợ Công ty S số tiền 65.422.000 đồng. Tuy nhiên, do thua lỗ trong nuôi tôm nhiều năm nay và còn nợ nhiều lần nên chưa trả được nợ cho Công ty S. Việc mua thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi trồng thủy sản có lợi nhuận sẽ phục vụ đời sống chung của gia đình. Nay, Công ty S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ liên đới trả nợ thì vợ chồng bà cũng đồng ý trả số nợ 65.422.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi vì trước đây không có thỏa thuận tính lãi và hiện nay ông bà cũng đang khó khăn về kinh tế, còn nợ nhiều người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua bán tài sản (thuốc và thức ăn thủy sản) còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp H, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

- Về nội dung vụ án:

[3] *Xét thấy:* Ông Nguyễn Văn Đ và Công ty S có hợp đồng mua bán tài sản (thuốc và thức ăn thủy sản) vào năm 2020. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 02/02/2021, hai bên kết nợ thì ông Đ còn nợ lại Công ty S số tiền 65.422.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận còn nợ tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản của Công ty S với số tiền vốn 65.422.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả số nợ 65.422.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi chậm trả: Công ty S yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số nợ 65.422.000 đồng từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty S là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Do đó, số tiền lãi chậm trả được tính như sau: 65.422.000 đồng x 28 tháng 26 ngày (tính từ ngày 02/02/2021 đến ngày 28/6/2023) x 10%/năm = 15.737.616 đồng.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty S tổng số tiền lãi và gốc là 81.159.616 đồng (Tám mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó 65.422.000 đồng tiền (nợ gốc) vốn, 15.737.616 đồng tiền lãi.

[5] Về nghĩa vụ liên đới: Ông Đ mua thức ăn, thuốc thủy sản dùng cho việc nuôi trồng thủy sản nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu gia đình, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Tươi cũng xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà nên bà Tươi cũng phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty S số nợ trên là đúng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Tươi có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 81.159.616 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Đ, bà Tươi phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí được tính như sau:

81.159.616 đồng x 5% = 4.058.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 433, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ S đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

2. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền 81.159.616 đồng (Tám mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó 65.422.000 đồng tiền vốn, 15.737.616 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.981.741 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng) theo biên lai thu số 0004924 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.058.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ